

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2022/DS-PT

Ngày: 23-12-2022

V/v tranh chấp về yêu cầu bồi thường
thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi
thường của Nhà nước trong hoạt
động thi hành án dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

- Bà Phạm Thị Hồng Vân;
- Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân Huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 423/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tống Thị P, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 42, tổ 9, ấp Phước Lộc B, xã P1, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Trần Đăng S, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 17 đường Phan Bội Châu, phường 2, quận B, Thành phố H (theo Văn bản ủy quyền ngày 21-5-2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Nguyễn Hữu H1, Luật sư của Công ty Luật TNHH Hãng Luật S1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành T– Chức vụ: Chi cục trưởng; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quốc V– Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Tống Thị P, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Tống Thị P và người đại diện hợp pháp của bà P, Ông Trần Đăng S trình bày: Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 05/2019/QĐST-DS, ngày 07-01-2019 của Tòa án nhân dân Huyện D, bà Trần Thị H2 có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 100.740.000 đồng, bà P đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 08-01-2019, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D (viết Chi cục THA) ban hành Quyết định số: 72/QĐ-CCTHADS thi hành án theo yêu cầu. Đồng thời, bà P cũng làm giấy xác minh tài sản của bà H2 tại UBND xã P1 theo hướng dẫn của Chi cục THA đã cung cấp tài liệu này Chi cục; ngày 21-6-2019 Chi cục THA mới ban hành Quyết định số: 18/QĐ-CCTHADS đề cưỡng chế kê biên tài sản của bà H2, ông P2; ngày 10-8-2020, Chi cục THA ra Thông báo số: 133/TB-THADS về việc phân chia tiền thi hành án, trong đó số tiền bà H2 phải thi hành cho bà P 100.740.000 đồng được tính tỷ lệ phần trăm, vì bà H2 có nghĩa vụ thi hành án cho nhiều người khác, nên bà P chỉ được nhận 43.118.040 đồng và tiền phí thi hành án 1.293.541 đồng, số tiền còn lại 57.621.960 đồng bà H2 chưa thi hành.

Ngày 17-8-2020, bà P làm đơn khiếu nại đến Chi cục THA về việc Chấp hành viên (viết CHV) chậm kê biên cưỡng chế tài sản làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà; ngày 25-9-2020, Chi cục THA ban hành Quyết định số: 07/QĐ-CCTHADS về việc giải quyết khiếu nại của bà P, chấp nhận một phần khiếu nại của bà P, về việc CHV chậm ban hành quyết định cưỡng chế kê biên là sai quy định về thi hành án, nhưng Chi cục THA cho rằng việc này không ảnh hưởng đến bà P vì lý do khách quan. Bà P không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (Cục THA); ngày 22-12-2020, Cục THA ban hành Quyết định số: 1552/QĐ-CCTHADS giải quyết khiếu nại của bà P, nội dung cũng không thay đổi so với Quyết định số 07 của Chi cục THA.

Theo khoản 3 Điều 4 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định “hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn không đúng quy định của pháp luật”. Do đó, khẳng định hành vi của CHV là trái quy định pháp luật. Từ sự thiếu trách nhiệm trong việc không ban hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản đúng quy định đã gây thiệt hại cho bà P, nên bà P không nhận đủ số tiền được thi hành án 100.740.000 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 2 Điều 12 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, ngày 20-6-2021 bà P đã làm văn bản yêu cầu Chi cục THA bồi thường thiệt hại; ngày 16-02-2022, Chi cục THA ban hành Thông báo số: 90/TB-CCTHADS không thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường của bà P.

Bà P khởi kiện yêu cầu Chi cục THA bồi thường số tiền 57.621.960 đồng là khoản tiền mà bà P bị thiệt hại do CHV chậm thi hành án đối với bà H2.

Bị đơn, Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D trình bày: Ngày 08-01-2019, Chi cục THA ban hành các Quyết định số 71, 72 /QĐ-CCTHADS để thi hành các Quyết định số: 04, 05/2019/QĐST-DS cùng ngày **07-01-2019** của Tòa án nhân dân Huyện D (viết Tòa án DMC) về việc bà Trần Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 100.740.000 đồng, bà Nguyễn Kim D1 số tiền 132.950.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Trong thời gian thực hiện thủ tục thi hành án, Chi cục THA tiếp tục nhận 03 (ba) Quyết định của Tòa án DMC chuyển đến, gồm: Quyết định số: 21/2019/QĐST-DS ngày 01-02-2019, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Như D2 số tiền 15.266.000 đồng; Quyết định số: 28/2019/QĐST-DS ngày 22-3-2019, bà H2 và ông Cao Hữu P2(chồng bà H2) có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Yến B1 số tiền 182.000.000 đồng; Quyết định số: 29/2019/QĐST-DS ngày 22-3-2019, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Phương L số tiền 48.000.000 đồng. Ngày 28-3-2019, ngày 08-4-2019, Chi cục THA ban hành các Quyết định thi hành án số: 112, 113, 122/QĐ-CCTHADS để thi hành các Quyết định trên. Như vậy, tại thời điểm này bà H2 phải thi hành 05 quyết định của Tòa án với số tiền **478.956.000 đồng** và lãi suất chậm thi hành án, trong đó ông P2 cùng bà H2 trả cho bà B1 số tiền 182.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H2 còn phải nộp 11.973.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quá trình thực hiện thi hành án: Ngày 24-01-2019, CHV làm việc với bà H2, bà trình bày có phần đất rộng 05 m, dài 30 m, trên đất có căn nhà xây cấp 4, đồng ý bán giá 280.000.000 đồng; ngày 25-02-2019, CHV gửi phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về QSDĐ cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Dương Minh Châu (viết VPĐK DMC); cùng ngày CHV xác minh trực tiếp tại UBND xã P1 thể hiện thửa đất số 571, tờ bản đồ số 10, diện tích 150 m², tọa lạc ấp B4, xã P1, Huyện D do ông P2, bà H2 đứng tên. Đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng tại thời điểm tháng **02-2019**, CHV chỉ thụ lý hồ sơ thi hành án của bà P, bà D1 nhưng người phải trả là bà H2, chưa phát sinh ông P2. Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 24 Nghị định: 62/2015/NĐ-CP ngày 18-7-2015 của Chính phủ về xử lý tài sản chung vợ chồng, CHV ban hành Thông báo số: 49A/TB-THADS ngày 26-02-2019 về xác định phần sở hữu chung của vợ chồng và thông báo cho ông P2 biết để thực hiện quyền khởi kiện; cùng ngày CHV lập biên bản giải quyết với ông P2 về nội dung trên, ông P2 không đồng ý phân chia tài sản chung theo tỷ lệ 50/50, ông sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 26-3-2019, CHV làm việc với ông P2, bà H2 về phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện. Ông P2, bà H2 xác định tài sản duy nhất của vợ chồng là nhà đất tại ấp B4, xã P1 đồng ý chia theo tỷ lệ 50/50, yêu cầu xử lý theo quy định.

Ngày 10-4-2019, bà Ngô Thị Yến B1 người được thi hành án, nộp cho CHV một bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ số H02048 do UBND Huyện D cấp ngày 07-9-2006 cho ông P2, bà H2 đứng tên. Ngày 23-5-2019, CHV lập biên bản giải quyết thi hành án, những người được thi hành án gồm bà Nguyễn Thị D1, Bà Tống Thị P, bà Ngô Thị Yến B1, bà Hồ Như D2, bà Trần Thị Phương L cùng bà H2, ông P2 đồng ý kê biên tài sản bán đấu giá, tiền thu được chia tỷ lệ theo quy định pháp luật. Ngày **21-6-**

2019, CHV ban hành Quyết định số: 18/QĐ-CCTHADS kê biên tài sản là QSDĐ thửa số 571, tờ bản đồ số 10, diện tích 150 m² của bà H2, ông P2.

Ngày 15-7-2019, CHV làm việc với bà P có nội dung đồng ý với trình tự thủ tục do CHV giải quyết. Ngày 25-7-2019, VPĐK DMC có Phiếu cung cấp thông tin số 38/PCC theo yêu cầu của CHV. Ngày 24-10-2019, CHV cùng các ngành chức năng địa phương kê biên tài sản; ngày 28-10-2019, CHV gửi phiếu yêu cầu VPĐK DMC đo đạc thửa đất kê biên; đến ngày 29-5-2020, VPĐK DMC cung cấp sơ đồ hiện trạng quyền sử dụng đất, kết quả thửa đất kê biên số 97 (cũ số 571), tờ bản đồ 17 (cũ số 10), diện tích đất 150 m². Ngày 17-6-2020, CHV ban hành Thông báo: 97/TB-THADS về định giá tài sản thi hành án, yêu cầu các đương sự có mặt vào ngày 26-6-2020 để thực hiện quyền của mình.

Ngày 22-6-2020, Bà Tổng Thị P đồng ý tài sản đã kê biên theo Quyết định số: 18/QĐ-CCTHADS ngày 21-6-2019 có giá khởi điểm là 380.000.000 đồng và thống nhất giao CHV ký hợp đồng với Công ty đấu giá K để bán đấu giá theo quy định. Ngày 23-6-2020, những người được thi hành còn lại gồm bà L, bà Bình, bà Dung, Bà D2 và người phải thi hành án ông P2, bà H2 đồng ý giá tài sản 380.000.000 đồng và giao CHV ký hợp đồng với Công ty đấu giá để bán theo quy định, ông P2, bà H2 không mua lại. Ngày 26-6-2020, CHV ký hợp đồng với Công ty đấu giá K và được Công ty tổ chức bán đấu giá thành ngày 30-7-2020 với giá 391.400.000 đồng, người trúng đấu giá là Tạ Thị Hồng, ngụ ấp An Thới, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Ngày 10-8-2020, CHV ban hành Thông báo số: 133/TB-THADS phân chia tiền thi hành án cho những người được thi hành án biết.

Ngày 17-8-2020, Chi cục THA thụ lý giải quyết khiếu nại của bà P với nội dung: CHV Nguyễn Quốc Vương không ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên sớm hơn so với các quyết định, bản án của Tòa án DMC đối với bà L, bà B1, Bà D2 để đảm bảo quyền lợi cho bà và nội dung CHV chậm ban hành quyết định cưỡng chế kê biên.

Việc bà P khiếu nại CHV Nguyễn Quốc Vương không ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên sớm hơn so với các quyết định, bản án của bà L, bà B1, Bà D2 để đảm bảo quyền lợi cho bà là không đúng, vì đến ngày 10-4-2019 bà Ngô Thị Yên B1 là người được thi hành giao nộp cho CHV bản chính giấy chứng nhận QSDĐ của ông P2, bà H2, lúc này đủ điều kiện kê biên tài sản theo quy định Điều 44 Luật Thi hành án dân sự, nhưng đến thời điểm này Chi cục THA đã nhận thêm 03 quyết định của Tòa án DMC chuyển đến từ tháng 02, tháng 3-2019 của người được thi hành án bà D2, bà B1, bà L cũng là đối tượng thanh toán tiền thi hành án theo điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành án năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014. Việc bà P khiếu nại CHV chậm ban hành quyết định cưỡng chế kê biên là có cơ sở, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P. Vì vậy, ngày 25-9-2020 Chi cục THA ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-CCTHADS chấp nhận một phần khiếu nại của bà P đối với CHV chậm ban hành quyết định kê biên xử lý tài sản, nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà P. Không đồng ý, bà P tiếp tục khiếu nại đến Cục THA và được giải quyết bằng Quyết định số: 1552/QĐ-CTHADS ngày 22-12-2020, không chấp nhận khiếu nại của bà P đối với Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 25-9-2020 của Chi cục THA. Ngày 14-7-2021, bà P nộp đơn yêu cầu Chi cục THA bồi

thường số tiền 57.621.960 đồng, Chi cục THA xem xét nhưng không có căn cứ chấp nhận, nên ra Thông báo số: 90/TB-CCTHADS ngày 16-02-2022 không thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 43 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Với những nội dung trên, Chi cục THA không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Quốc V trình bày: Ông thống nhất với trình bày và ý kiến của đại diện Chi cục THA, không bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 5, 7, 12, 21, 52, 53 và 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Tổng Thị P đối với Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh về “Bồi thường thiệt hại trong hoạt động thi hành án dân sự theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-10-2022, Bà Tổng Thị P kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án của Tòa án nhân dân Huyện D theo hướng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Trần Đăng S là người đại diện hợp pháp của bà P cho rằng, theo quy định của pháp luật, hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà P làm đơn yêu cầu thi hành án, thì CHV phải ra các quyết định để xử lý tài sản thi hành án cho bà P; nhưng sau đó CHV đi xác minh tài sản của bà H2 và đến tháng 02-2019, CHV không ra một quyết định nào, kéo dài đến tháng 6-2019 mới ban hành quyết định kê biên cưỡng chế tài sản, nhưng lúc này bà H2, ông P2 phải thi hành án thêm 03 quyết định của Tòa án chuyển đến; việc làm chậm trễ đó gây thiệt hại cho bà P, đây là hành vi trái pháp luật của CHV gây thiệt hại trực tiếp nên bà P không nhận đủ số tiền bà H2 phải thi hành cho bà P, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P, buộc Chi cục THA bồi thường thiệt hại cho bà P số tiền còn lại 57.621.960 đồng.

Bà P thống nhất với lời trình bày của Ông S, không có ý kiến bổ sung.

Ông T đại diện Chi cục THA trình bày, Chi cục THA và CHV được phân công giải quyết hồ sơ thi hành án của bà P thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình thi hành án cho bà P, do đó Chi cục THA không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P.

Ông V thống nhất với ý kiến trình bày của ông T, không bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Chi cục THA và CHV trong quá trình thi hành án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với USB và bản giấy diễn giải nội dung các đoạn ghi âm nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa, không đảm bảo theo trình tự thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, nên không hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Bà Tổng Thị P đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét đơn khởi kiện của Bà Tổng Thị P yêu cầu Chi cục THA bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số tiền 57.621.960 đồng, thấy rằng: Theo Điều 21 về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự, quy định: “Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

1. Ra hoặc không ra một trong các quyết định sau đây trái pháp luật:

a) Thi hành án; b) Hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án; c) Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; d) Cường chế thi hành án; đ) Hoãn thi hành án; e) Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án; g) Tiếp tục thi hành án;

2. Tổ chức thi hành hoặc không tổ chức thi hành một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này trái pháp luật”.

Tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 12 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 quy định:

Khoản 5 Điều 3 quy định: “Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là văn bản đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, trong đó xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ hoặc là bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định rõ người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường”.

Khoản 1 Điều 7 quy định: “1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây: a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này; c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại”.

Khoản 1, 2, 3 Điều 12 quy định: “Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong

hoạt động thi hành án dân sự quy định tại Điều 21 của Luật này bao gồm: 1. Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ; 2. Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại của người khiếu nại; 3. Quyết định hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án vì quyết định đó được ban hành trái pháp luật... ”.

[3] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-CCTHADS ngày 25-9-2020 của Chi cục THA: *“Chấp nhận một phần khiếu nại của Bà Tổng Thị P...đối với chấp hành viên Nguyễn Quốc Vương Chi cục Thi hành án Huyện D chậm ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên xử lý tài sản để thi hành án, nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà P.*

Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này”.

[4] Xét thấy, khi thực hiện thủ tục thi hành án, Chi cục THA và CHV được phân công tiến hành các công việc cụ thể như sau: Ngày 08-01-2019, Chi cục THA ban hành các Quyết định thi hành án số 71, 72 để thi hành 02 Quyết định số: 04, 05/2019/QĐST-DS cùng ngày **07-01-2019** của TAND H DMC về việc bà Trần Thị H2 có nghĩa vụ trả cho Bà Tổng Thị P số tiền 100.740.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Kim D1 số tiền 132.950.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

[5] Ngày 15-01-2019, TAND H DMC ban hành Công văn số 02/TA-DMC gửi Chi cục THA thông báo, ngoài 02 Quyết định số: 04, 05/2019/QĐST-DS ngày **07-01-2019**, Tòa án còn thụ lý giải quyết nhiều vụ án về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” với bị đơn ông Cao Hữu P2 và bà Trần Thị H2 để xử lý trong quá trình thi hành án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[6] Ngày 24-01-2019, bà H2 khai với CHV có tài sản là phần đất rộng 05 m, dài 30 m, trên đất có căn nhà xây cấp 4, do đó CHV gửi phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về QSDĐ cho VPĐK DMC và xác minh tại UBND xã P1 xác định ông P2, bà H2 đứng tên thửa đất số 571, tờ bản đồ số 10, diện tích 150 m², tọa lạc ấp B4, xã P1 là tài sản chung của vợ chồng, thời điểm tháng 02-2019, Chi cục THA thụ lý hồ sơ thi hành án của bà P, bà Dung, người phải thi hành án bà H2. Theo Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: *“1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự”*, do đó CHV ban hành Thông báo số: 49A/TB-THADS ngày 26-02-2019 cho ông P2 biết để phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong thời hạn 30 ngày là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Trong thời gian này, Chi cục THA tiếp tục nhận 03 Quyết định của TAND H DMC chuyển đến, gồm: Quyết định số: 21/2019/QĐST-DS ngày 01-02-2019, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Như D2 số tiền 15.266.000 đồng; Quyết định số:

28/2019/QĐST-DS ngày 22-3-2019, bà H2 và ông Cao Hữu P2 có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Yến B1 số tiền 182.000.000 đồng; Quyết định số: 29/2019/QĐST-DS ngày 22-3-2019, bà H2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Phương L số tiền 48.000.000 đồng. Ngày 28-3 và ngày 08-4-2019, Chi cục THA ban hành các Quyết định thi hành án số: 112, 113, 122/QĐ-CCTHADS để thi hành các quyết định trên của Tòa án theo yêu cầu của người được thi hành án. Tại thời điểm này, bà H2 phải thi hành án số tiền **478.956.000 đồng** và án phí sơ thẩm 11.973.900 đồng, trong đó ông P2 cùng bà H2 trả cho bà B1 số tiền 182.000.000 đồng;

[8] Ngày 10-4-2019, bà Ngô Thị Yến B1 trực tiếp đến nộp cho Chi cục THA một bản chính GCN QSDĐ thửa số 571, tờ bản đồ số 10, diện tích 150 m² do ông P2, bà H2 đứng tên là có căn cứ để CHV ban hành quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản, tuy nhiên tại thời điểm này bà H2, ông P2 phải thi hành án cho 05 quyết định của Tòa án. Theo điểm b khoản 2 Điều 47 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: *“b) Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án được thanh toán cho những người được thi hành án tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế đó...”*.

[9] Ngày 23-5-2019, CHV lập biên bản về việc giải quyết thi hành án, người được thi hành án gồm bà Dung, bà P, bà Bình, bà Diễm, bà L và người phải thi hành án bà H2, ông P2 đồng ý kê biên thửa đất số 571, tờ bản đồ số 10, diện tích 150 m² *“...bán đấu giá để thu hồi tiền và chia theo tỷ lệ đúng theo quy định của pháp luật”*. Ngày **21-6-2019**, CHV ban hành Quyết định số: **18/QĐ-CCTHADS** cưỡng chế kê biên QSDĐ thửa số 571, tờ bản đồ số 10, diện tích 150 m² của bà H2, ông P2 và ký hợp đồng với Công ty đấu giá K để bán phần đất trên. Ngày 30-7-2020, Công ty đấu giá K bán tài sản được số tiền 391.400.000 đồng, nhưng ông P2, bà H2 phải thi hành án số tiền **478.956.000 đồng**, án phí 11.973.900 đồng và tiền lãi chậm thi hành án; ngày 10-8-2020, Chi cục THA ra thông báo cho người được thi hành án về việc phân chia tiền theo tỷ lệ, bà P được nhận số tiền 43.118.040 đồng, nên quyền lợi của bà P vẫn được bảo đảm.

[10] Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc Bà Tổng Thị P khởi kiện yêu cầu Chi cục THA bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 57.621.960 đồng theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước do CHV chậm ban hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản là QSDĐ của bà H2, ông P2 là không cơ sở, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P là phù hợp nên chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí: Bà Tổng Thị P không phải chịu theo quy định tại Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 7, 12, 21, 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Tổng Thị P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ

thẩm số: 103/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, của Toà án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Tổng Thị P yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự” đối với số tiền 57.621.960 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).

3. Về án phí: Bà Tổng Thị P không phải chịu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND Huyện DMC;
- CCTHADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Trần Quốc Vũ

